

Đổi mới sáng tạo ở Thái Lan và một số gợi ý cho Việt Nam

PGS.TS PHẠM THỊ THANH BÌNH

ThS. LÊ THỊ THU HƯƠNG

Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

- NGÀY NHẬN BÀI: 28/01/2023 ● NGÀY GỬI PHẢN BIỆN: 10/2/2023
- NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 26/2/2023

Tóm tắt: Đổi mới sáng tạo (ĐMST) cùng với phát triển khoa học - công nghệ đóng vai trò đột phá chiến lược trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế và là nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Bài viết tìm hiểu khái niệm ĐMST, các công cụ và phân loại các loại hình thức ĐMST, sự cần thiết phải thực hiện chính sách ĐMST cũng như phân tích thực trạng chính sách ĐMST của Thái Lan và đưa ra những đánh giá trong thực hiện chính sách ĐMST của Thái Lan, qua đó, rút ra một số kinh nghiệm cho quá trình ĐMST của Việt Nam.

Từ khóa: Đổi mới sáng tạo, Thái Lan, Việt Nam, bài học kinh nghiệm.

Đổi mới sáng tạo cùng với phát triển khoa học - công nghệ đóng vai trò đột phá chiến lược trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế, là nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. ĐMST được xem như xu thế tất yếu của Thái Lan. Năm 2021, Thái Lan giữ vị trí trong top 50 Chỉ số Hệ sinh thái Khởi nghiệp toàn cầu của StartupBlink (nguồn tri thức toàn cầu về hệ sinh thái ĐMST) với 4 thành phố nằm trong top 1.000 thế giới có hệ sinh thái khởi nghiệp tốt nhất. Thái Lan hy vọng trở thành cường quốc của ASEAN về đầu tư vào các dự án ĐMST.

1. ĐỔI MỚI SÁNG TẠO: KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI, CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH VÀ SỰ CẦN THIẾT

Khái niệm “Đổi mới sáng tạo - innovation” được hiểu là kết quả của “sự kết hợp mới” giữa kiến thức, năng lực và nguồn lực. Khác với sáng chế (invention), chỉ được xem là “một ý tưởng mới lạ về cách thực hiện mọi việc”, ĐMST là khái niệm bao gồm những gì đã được “thực hiện trong thực tế”.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), ĐMST là: “Việc phát triển, cải tiến một sản phẩm, một quy trình (hoặc cả

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CÙNG VỚI PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ ĐÓNG VAI TRÒ ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC TRONG GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ, LÀ NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA.

hai) làm thay đổi đáng kể so với sản phẩm, quy trình trước đây và được đưa vào cung cấp cho người tiêu dùng tiềm năng (đối với sản phẩm), được sử dụng trong các đơn vị (đối với quy trình)". Năng lực ĐMST trong doanh nghiệp là khả năng doanh nghiệp biến ý tưởng sáng tạo kết hợp các nguồn lực đầu vào thành sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Đổi mới sáng tạo được phân chia thành 4 loại hình chính:

Thứ nhất, đổi mới sản phẩm. Là việc đưa ra một sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ) mới được cải tiến về kỹ thuật cho khách hàng tiềm năng nhưng không giới hạn trong việc cải tiến đáng kể đặc tính kỹ thuật, thành phần, vật liệu, phần mềm bên trong, sự thân thiện với người dùng và những đặc tính chức năng khác.

Thứ hai, đổi mới quy trình. Là việc phát triển, cải tiến các quy trình, phương pháp sản xuất, kinh doanh, bao gồm cả phương pháp vận chuyển, phân phối sản phẩm nhằm giảm chi phí sản xuất, chi phí phân phối, gia tăng hiệu quả sản xuất nhằm phân phối sản phẩm hiệu quả.

Thứ ba, đổi mới hệ thống quản lý. Là việc áp dụng các phương pháp, quy trình mới trong quản lý doanh nghiệp, tổ chức hoạt

động, quan hệ đối ngoại.

Thứ tư, đổi mới hoạt động marketing. Là việc áp dụng các phương pháp marketing mới liên quan tới truyền thông và quảng bá sản phẩm, định giá sản phẩm.

Đổi mới sáng tạo sử dụng 3 loại công cụ chính sách:

Một là, các công cụ quản lý (management instruments). Sử dụng công cụ pháp lý để điều chỉnh các tương tác xã hội và thị trường. Công cụ chính sách ĐMST tiêu biểu nhất là quyền sở hữu trí tuệ. Sở hữu trí tuệ là khái niệm bao gồm bằng sáng chế, bản quyền và nhãn hiệu. Điều kiện để đăng ký bằng sáng chế là tính mới, hữu ích và đáp ứng yêu cầu công khai.

Hai là, các công cụ kinh tế và tài chính (economic and financial instruments). Công cụ điển hình bao gồm các ưu đãi tài chính cho nghiên cứu và phát triển (R&D), như miễn thuế. Các khoản tín dụng thuế có hiệu quả trong việc tăng chi tiêu cho R&D của doanh nghiệp. Thậm chí một số công ty chuyển chi tiêu đơn giản thành chi tiêu cho R&D để giảm thuế.

Ba là, công cụ mềm (soft instruments). Công cụ mềm được áp dụng khác nhau bởi các chính phủ. Công cụ mềm thay đổi vai trò của chính phủ từ nhà cung cấp, cơ quan quản lý thành người điều phối, hỗ trợ. Công cụ mềm có nhiều dạng khác nhau. Một trong số đó là khuyến khích những người có trình độ học vấn cao nhập cư. Hoặc giảm bớt các rào cản để những người tài năng trở thành nhà phát minh, sáng chế.

Sự cần thiết của chính sách đổi mới sáng tạo:

Thứ nhất, năng suất lao động ở các quốc gia đang phát triển tương đối thấp và tăng trưởng năng suất đã suy giảm đáng kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu (năm 2008). Các quốc gia đang phát triển (trong đó có Thái Lan) đứng thứ hai trong khu vực ASEAN về mức suy giảm tốc độ tăng trưởng năng suất lao động. Phân tích tăng trưởng năng suất lao động cho thấy sự suy giảm năng suất lao động phần lớn phản ánh tốc độ chậm hơn của tăng năng suất các nhân tố tổng hợp TFP (Total Factor Productivity).

Thứ hai, thay đổi trong thương mại toàn cầu và công nghệ đang thách thức động lực tăng trưởng của khu vực chế biến, chế tạo định hướng xuất khẩu. Thương mại hàng hóa toàn cầu giảm tốc, từ 13% đến 32% trong giai đoạn (1940 - 2020), gây rủi ro cho mô hình phát triển dựa trên hoạt động thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu (GVC- Global Value Chain). Hơn nữa, cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 có nguy cơ phá vỡ cấu trúc sản xuất hiện tại khi chuyển sang công nghiệp chế biến, chế tạo. Những tiến bộ công nghệ 4.0 có khả năng rút ngắn chuỗi giá trị toàn cầu và dẫn đến việc chuyển về chính quốc các hệ thống sản xuất vốn đóng vai trò trung tâm trong thúc đẩy tăng trưởng ở các quốc gia đang phát triển.

Thứ ba, đại dịch COVID-19 và các cú sốc khác (biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, an ninh năng lượng...) thúc đẩy nhu cầu phải áp dụng các phương thức sản xuất mới. Đại dịch COVID-19 đã làm nổi bật tầm quan trọng của ĐMST khi các nhà hoạch định chính sách và các doanh nghiệp tư nhân áp dụng phát triển công nghệ để giải quyết những

tác động của đại dịch đối với sức khỏe con người cũng như đối với nền kinh tế.

Thứ tư, duy trì hiệu quả kinh tế cao khi đối mặt với những thách thức và hướng tới mô hình tăng trưởng dựa trên ĐMST nhiều hơn. Các quốc gia đang phát triển phải tìm ra những cách thức mới và hiệu quả hơn để thúc đẩy tăng trưởng năng suất cùng với việc kế thừa thành công kinh tế trong quá khứ để chuyển dần từ vị thế thu nhập trung bình lên vị thế thu nhập cao. Việc thu hẹp khoảng cách về năng suất và công nghệ với các nền kinh tế có thu nhập cao giúp các quốc gia đang phát triển giải quyết các thách thức về thương mại, bao gồm cả các mối đe dọa liên quan đến việc chuyển dịch sản xuất về chính quốc, bằng cách tăng khả năng cạnh tranh và nâng cấp sự tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

2. ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA THÁI LAN: THỰC TRẠNG VÀ CHÍNH SÁCH

Quá trình phát triển chính sách ĐMST của Thái Lan có thể được chia thành 2 giai đoạn: 1) Giai đoạn tiền công nghiệp hóa (1938 - 1969); 2) Giai đoạn công nghiệp hóa và bắt kịp (1970 đến nay).

THEO TỔ CHỨC HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (OECD), ĐMST LÀ: “VIỆC PHÁT TRIỂN, CẢI TIẾN MỘT SẢN PHẨM, MỘT QUY TRÌNH (HOẶC CẢ HAI) LÀM THAY ĐỔI ĐÁNG KỂ SO VỚI SẢN PHẨM, QUY TRÌNH TRƯỚC ĐÂY VÀ ĐƯỢC ĐƯA VÀO CUNG CẤP CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG TIỀM NĂNG (ĐỐI VỚI SẢN PHẨM), ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CÁC ĐƠN VỊ (ĐỐI VỚI QUY TRÌNH)”.

ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐÃ LÀM NỔI BẬT TẦM QUAN TRỌNG CỦA ĐMST KHI CÁC NHÀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH VÀ CÁC DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ÁP DỤNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐỂ GIẢI QUYẾT NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH ĐỐI VỚI SỨC KHỎE CON NGƯỜI CŨNG NHƯ ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ.

Giai đoạn tiền công nghiệp hóa (1938 - 1969):

Trong giai đoạn tiền công nghiệp hóa, các hoạt động ĐMST không sôi động do bất ổn chính trị và Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945). Thái Lan tiến hành công nghiệp hóa từ những năm 1960 với việc tập trung sản xuất hàng hóa thay thế nhập khẩu, sau đó chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa định hướng xuất khẩu. Sau nhiều thập kỷ công nghiệp hóa, tình trạng lao động thiếu tính kỷ luật, thiếu kỹ năng và thiếu đội ngũ quản lý trung - cao cấp vẫn là một vấn đề chưa có lời giải. Năm 1970, Thái Lan chuyển sang chiến lược định hướng xuất khẩu. Tăng trưởng dựa vào xuất khẩu đã đạt được trong những năm 1980 nhờ cải cách cơ cấu ngành công nghiệp và tăng cường khả năng cạnh tranh, khuyến khích xuất khẩu các sản phẩm chế tạo và khuyến khích vĩ mô và vĩ mô có chọn lọc. Năm 2000, chính sách ĐMST lấy con người làm trung tâm đã được thiết lập để thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình. Hiện Thái Lan thực hiện chiến lược tập trung cải thiện năng suất, không dựa vào đầu vào là vốn và lao động.

Giai đoạn công nghiệp hóa và bắt kịp (1970 - nay):

Giai đoạn đầu công nghiệp hóa (1970 - 1996): Các chính sách ĐMST tập trung vào tăng trưởng và ổn định kinh tế vì công bằng xã hội và phân phối thu nhập. Thái Lan mở rộng phát triển trường học, các cơ sở y tế và thúc đẩy chăm sóc sức khỏe ban đầu với Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội quốc gia lần thứ ba (1974 - 1978) và lần thứ tư (1978 - 1982). Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội quốc gia lần thứ năm (1982 -1986) nêu rõ tầm quan trọng của phát triển khoa học - công nghệ.

Hệ thống Nghiên cứu - ĐMST của Thái Lan bắt đầu bằng việc thành lập Hội đồng Nghiên cứu quốc gia (National Research Council - NRC) và Văn phòng của Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia Thái Lan (National Research Council Thailand - NRCT) năm 1959. Dựa trên đề xuất của NRC, Bộ Khoa học, Công nghệ và Năng lượng được thành lập năm 1979 với các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, năng lượng và các vấn đề liên quan đến môi trường. Bộ lần lượt được đổi thành Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (1992), Bộ Khoa học và Công nghệ (2002). Lần cải cách gần đây nhất là thành lập Bộ Giáo dục Đại học, Khoa học, Nghiên cứu Đổi mới sáng tạo (2019) bằng cách hợp nhất Bộ Khoa học Công nghệ với ngành giáo dục đại học.

Thái Lan thực hiện Kế hoạch cơ bản quốc gia 10 năm về khoa học và công nghệ (2012 - 2021). Kế hoạch được thiết kế để cung cấp cơ chế làm phong phú thêm hệ thống đổi mới ở tất cả các cấp từ quốc gia, khu vực và địa phương. Kế hoạch tổng thể quốc gia về khoa học, công nghệ

và đổi mới (2012 - 2021) nhằm mục tiêu thống nhất các cam kết khoa học, công nghệ và ĐMST trong cơ quan công lập và tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân, các viện nghiên cứu hàn lâm. Thái Lan thực hiện chính sách ĐMST, bao gồm:

Thứ nhất, khuyến khích ĐMST doanh nghiệp. Đầu tư cho R&D là đầu vào quan trọng để tạo ra đổi mới công nghệ. Mặc dù đầu tư cho R&D của Thái Lan đã dần tăng, nhưng vẫn rất nhỏ, chiếm khoảng 0,62% GDP, thấp hơn nhiều so với các nền kinh tế tiên tiến ở châu Á, như Hàn Quốc (4%), Nhật Bản (3,6%), Đài Loan (2,9%), và Singapore (2,3%) năm 2015. Tuy nhiên, dấu hiệu tích cực là đầu tư cho R&D của khu vực tư nhân Thái Lan đang tăng nhanh và đã vượt qua đầu tư công kể từ năm 2011.

Có 3 dạng hoạt động R&D: Nghiên cứu cơ bản; Nghiên cứu ứng dụng; Phát triển thử nghiệm. So với các quốc gia khác, Thái Lan đầu tư ngân sách cao hơn cho nghiên cứu cơ bản. Kết quả của nghiên cứu cơ bản vốn không thể đoán trước và khó áp dụng cho các vấn đề trong thế giới thực tiễn trong ngắn hạn. Trong khi hầu hết các nước phát triển đều cam kết mạnh mẽ thực hiện nghiên cứu cơ bản nhưng là không khôn ngoan nếu Thái Lan đầu tư quá nhiều vào nghiên cứu cơ bản vì Thái Lan vẫn là nước đang phát triển.

Thứ hai, tăng cường quản trị chính sách và hệ thống ĐMST. Việc quản trị các chính sách khoa học, ĐMST do nhiều cơ quan hành chính chồng chéo và không có sự phân định trách nhiệm rõ ràng như Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia, Ủy ban Chính sách Khoa học, Công nghệ và ĐMST Quốc

gia, Viện nghiên cứu KH&CN, Cục Phát triển KH&CN Quốc gia. Do vậy, Thái Lan đã tiến hành Chương trình Cải cách Quản trị KH&CN ĐMST năm 2016 với 3 mục tiêu chính: i) Xem xét lại hệ thống quản lý KH&CN ĐMST và nghiên cứu R&D; ii) Đưa KH&CN ĐMST và R&D vào kế hoạch phát triển quốc gia; iii) Áp dụng hệ thống cấp ngân sách dựa trên lịch trình. Hội đồng Chính sách Nghiên cứu và ĐMST Quốc gia được thành lập tháng 10/ 2016 là cơ quan duy nhất đưa ra định hướng chính sách cho nghiên cứu, ĐMST và triển khai thực hiện. Văn phòng KH&CN ĐMST và Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia Thái Lan cùng giữ vai trò thư ký của Hội đồng.

Thứ ba, chính sách các lĩnh vực ưu tiên. Trong chiến lược Thailand 4.0, Chính phủ xác định 10 lĩnh vực công nghiệp “đặc trưng” để tạo nên nền tảng công nghiệp tương lai cho nền kinh tế dựa vào tri thức của Thái Lan. Theo thứ tự ưu tiên, các ngành công nghiệp thâm dụng kỹ năng thay thế cho các ngành thâm dụng lao động trước đó, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của Thái Lan. Sự tiếp cận công nghiệp đặc trưng, bao gồm nâng cấp 5 ngành công nghiệp (ô-tô; điện tử thông minh; y học và du lịch; nông nghiệp và công nghệ sinh học; công nghiệp chế

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CHÍNH SÁCH ĐMST CỦA THÁI LAN CÓ THỂ ĐƯỢC CHIA THÀNH 2 GIAI ĐOẠN: 1) GIAI ĐOẠN TIỀN CÔNG NGHIỆP HÓA (1938 - 1969); 2) GIAI ĐOẠN CÔNG NGHIỆP HÓA VÀ BẤT KỊP (1970 ĐẾN NAY).

NĂM 2000, CHÍNH SÁCH ĐMST LẤY CON NGƯỜI LÀM TRUNG TÂM ĐÃ ĐƯỢC THÁI LAN THIẾT LẬP ĐỂ THOÁT KHỎI BẦY THU NHẬP TRUNG BÌNH.

biến thực phẩm). Ngoài ra, 5 lĩnh vực công nghiệp mới sẽ được thúc đẩy để tạo ra “Đặc trưng mới” của Thái Lan, gồm: i) Người máy, ii) Hàng không và hậu cần, iii) Nhiên liệu sinh học và hóa sinh, iv) Công nghiệp kỹ thuật số, v) Y học. Thái Lan tập trung xây dựng các biện pháp tăng cường đầu tư và phát triển nguồn nhân lực để thúc đẩy sự phát triển của 10 lĩnh vực công nghiệp này.

Thứ tư, nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực. Nhân lực R&D của Thái Lan tăng gấp ba lần từ 32.011 người năm 2001 lên 89.617 người năm 2015. Nhân lực R&D của khu vực tư nhân trên tổng số nhân viên R&D cũng tăng đáng kể, từ 30% lên 55%. Gần một nửa tổng số nhân lực R&D làm việc trong khu vực công. Khu vực tư nhân thiếu hụt nhân lực R&D và vẫn tiếp tục tăng cường đầu tư cho R&D. Thái Lan có chưa đến 15% doanh nghiệp có sự đổi mới về sản phẩm hoặc dịch vụ và chỉ 5% sử dụng công nghệ được các công ty nước ngoài cấp phép.

Mặc dù Thái Lan đã cải cách và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục trong hai thập niên (2000-2020), tuy nhiên, tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục đại học trong GDP của Thái Lan vẫn thấp so với các nước phát triển. Tỷ lệ người trưởng thành có bằng

đại học thấp và điểm khoa học thấp ở thiếu niên khiến Thái Lan phải xem xét lại hoạt động giáo dục để đáp ứng nhu cầu lao động KH&CN có kỹ năng đang tăng cao. Nhu cầu nhân lực R&D trong khu vực tư nhân đã tăng 400% trong giai đoạn 2008 - 2014. Chính phủ hướng tới việc cải thiện nguồn nhân lực và kỹ năng thông qua các chính sách và chương trình cụ thể, như: Chính sách Phát triển lực lượng lao động và giáo dục STEM, Chương trình học kết hợp với làm việc, Chương trình Phát triển kỹ năng. Được Văn phòng KH&CN ĐMST quản lý, Chương trình Di chuyển nhân tài có nhiệm vụ điều phối và tăng tính di động của nhân lực nghiên cứu giữa khu vực công và tư. Năm 2013, Chương trình Di chuyển nhân tài đã hỗ trợ việc di chuyển 240 nhà nghiên cứu và 157 sinh viên, thực hiện 127 dự án với tổng cộng 111 công ty đã tham gia chương trình trong giai đoạn 2013 - 2016.

Cục Sáng tạo Quốc gia do Bộ KH&CN thành lập đã thúc đẩy văn hóa sáng tạo quốc gia và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của ĐMST ở tất cả các tầng lớp trong xã hội Thái Lan. Cục Sáng tạo quốc gia phát triển các chương trình quản lý ĐMST nhằm phát triển hơn nữa quản lý hệ thống ĐMST trong khu vực giáo dục, khu vực công và tư thông qua phối hợp với các cơ sở đại học. Văn phòng KH&CN ĐMST phát triển “Chương trình Đại học Kinh doanh” để tăng cường các kỹ năng kinh doanh của sinh viên tốt nghiệp với mục đích nâng cao năng lực doanh nghiệp Thái Lan nhằm tăng số lượng và chất lượng startup. Năm 2016, có 30 trường đại học hàng đầu đã tham gia chương trình.

Đánh giá tác động của chính sách đổi mới sáng tạo của Thái Lan

Nhìn chung, Thái Lan chưa đạt mức kỳ vọng ở chỉ số tiêu chuẩn về ĐMST trên cả hai khía cạnh: phổ biến (áp dụng các công nghệ hiện có) và khám phá (sự phát minh ra các sản phẩm, quy trình và công nghệ mới).

Tương tự như các can thiệp chính sách khác, các tác động trực tiếp của chính sách ĐMST rất dễ đo lường. Tuy nhiên, các tác động gián tiếp, chẳng hạn như tăng năng suất và tạo việc làm, rất khó đo lường. Hơn nữa, việc phân biệt hiệu quả của ĐMST cá nhân là một thách thức vì các công cụ chính sách đổi mới sáng tạo phụ thuộc vào hệ thống đổi mới sáng tạo.

Thứ nhất, mặc dù những tác động tức thời, như hỗ trợ cho R&D có dẫn đến hiệu quả R&D nhiều hơn hay không thì dễ dàng đánh giá, nhưng những tác động rộng lớn hơn đến ĐMST, năng suất và việc làm được các nhà hoạch định chính sách quan tâm, lại khó đánh giá hơn do ĐMST vốn khó đo lường bởi độ trễ thời gian lâu dài giữa ĐMST và hiệu quả kinh tế xã hội đạt được.

Thứ hai, các công cụ chính sách khác nhau có thể tương tác, khiến việc phân biệt tác động riêng lẻ của mỗi chính sách trở nên khó khăn. Hơn nữa, hiệu quả của bất kỳ công cụ chính sách ĐMST nào đều phụ thuộc vào hoạt động của hệ thống ĐMST rộng lớn hơn. Vì vậy, khó đánh giá các công cụ chính sách riêng lẻ và cần phải đánh giá toàn bộ hệ thống.

Thứ ba, quan trọng là sự khác biệt về bối cảnh. Các công cụ chính sách có cùng tên gọi và thiết kế dẫn đến kết quả không

giống nhau ở các quốc gia khác nhau vào những thời điểm khác nhau. Nhiều biến số ảnh hưởng đến tác động của các công cụ chính sách ĐMST, như điều kiện thực hiện, khả năng của từng quốc gia, cơ cấu kinh tế, hiệu quả hoạt động của cơ sở khoa học quốc gia, sự phát triển của thị trường tài chính và các yếu tố văn hóa (sự cởi mở, tương tác, chấp nhận rủi ro và thử nghiệm).

Có thể khẳng định, Thái Lan chưa có cơ chế “triển khai chính sách” hiệu quả trong lĩnh vực nghiên cứu và ĐMST. Cơ chế triển khai có hiệu lực là cơ chế có thể định hướng một cách có hiệu quả hoạt động của các viện nghiên cứu và trường đại học phù hợp với các chính sách và kế hoạch ĐMST quốc gia bằng cách sử dụng phân bổ ngân sách như một công cụ. Khi phân bổ ngân sách không được sử dụng như công cụ triển khai chính sách thì tất cả các hoạt động ĐMST do các viện nghiên cứu và trường đại học thực hiện có xu hướng rời rạc và thiếu đồng bộ theo cùng một hướng. Do đó, chi tiêu của Chính phủ cho ĐMST trở nên không hiệu quả như mong đợi.

Thái Lan (cũng như một số nước trong khu vực ASEAN như Indonesia, Malaysia)

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI (2012 - 2021) NHẪM MỤC TIÊU THỐNG NHẤT CÁC CAM KẾT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐMST TRONG CƠ QUAN CÔNG LẬP VÀ TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC VỚI KHU VỰC TƯ NHÂN, CÁC VIỆN NGHIÊN CỨU HÀN LÂM.

đang mắc kẹt trong giai đoạn công nghiệp hóa và bắt kịp (giai đoạn 2 của chính sách ĐMST của Thái Lan). Nguyên nhân là do:

Một là, thiếu đảm bảo ổn định chính trị và công nghiệp hóa thành công. Tác động tiêu cực của tình hình chính trị bất ổn ở Thái Lan với các cuộc biểu tình chính trị và các bất ổn xã hội. Bất ổn chính trị về cơ bản đã làm chậm tốc độ công nghiệp hóa, ổn định chính trị và công nghiệp hóa là điều kiện tiên quyết để bắt kịp thành công.

Hai là, thiếu khả năng phổ biến công nghệ cho khu vực tư nhân. Mặc dù Thái Lan có khả năng phát triển công nghệ của các Tổ chức nghiên cứu công (PRI – Public Research Institution). Tuy nhiên, năng lực của họ trong việc phổ biến công nghệ cho khu vực tư nhân dường như còn thiếu. Các công ty của Thái Lan cũng yếu kém về năng lực nội địa hóa các công nghệ tiên tiến. Doanh nghiệp bản địa của Thái Lan vẫn dựa nhiều vào sự hỗ trợ của Chính phủ hơn là tự xây dựng năng lực công nghệ thông qua hoạt động R&D.

Ba là, mức chi tiêu cho R&D và nguồn nhân lực R&D chưa đủ mạnh. Mặc dù mức chi tiêu cho R&D của Thái Lan có tăng nhưng vẫn ở mức thấp. Bên cạnh đó, Thái Lan luôn thiếu nguồn nhân lực cho R&D. Đây là nguyên nhân và hệ quả tự nhiên. Đầu vào

ở mức thấp hơn mang lại kết quả cũng thấp hơn.

3. MỘT SỐ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

Là một trong những quốc gia có quyết tâm cao về ĐMST, Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện các yếu tố thúc đẩy ĐMST hiệu quả. Theo đánh giá của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO (World Intellectual Property Organization), Việt Nam liên tiếp đứng vị trí thứ 42 (2019, 2020) và thứ 44 (2021) về ĐMST, được ghi nhận là quốc gia đạt được thành tựu sáng tạo trong 10 năm liên tiếp (2011 – 2020). Năm 2020, Việt Nam cũng là quốc gia đứng đầu đạt được thành tựu đổi mới ở nhóm 29 nền kinh tế có mức thu nhập trung bình. Với xuất phát điểm là quốc gia có thu nhập trung bình thấp, kết quả mà Việt Nam đạt được về ĐMST tương đối khả quan.

Đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ là chìa khóa giúp Việt Nam vượt qua bẫy thu nhập trung bình và sớm thoát khỏi sự lệ thuộc vào công nghệ thấp và nguồn tài nguyên đang cạn kiệt dần. Với tốc độ tăng trưởng 6% GDP giai đoạn 2016 - 2020 (2,91% GDP năm 2021) - là mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, tốc độ tăng năng suất lao động từ 4,3%/năm (2011 - 2015) lên 6%/năm (2016 - 2020). Mặc dù có những bước tiến về ĐMST, các chỉ số ĐMST của Việt Nam vẫn còn những điểm hạn chế. Mức độ đầu tư cho ĐMST ở Việt Nam thấp hơn các nước trong khu vực. Tỷ lệ chi cho KHCN bao gồm cả khu vực Nhà nước và tư nhân chỉ khoảng 0,44% GDP, đứng sau Singapore (2,22%), Malaysia (1,44%), Thái Lan (0,78%). Có thể khái quát một số hạn chế ĐMST như sau:

TRONG CHIẾN LƯỢC THAILAND 4.0, CHÍNH PHỦ XÁC ĐỊNH 10 LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP “ĐẶC TRƯNG” ĐỂ TẠO NÊN NỀN TẢNG CÔNG NGHIỆP TƯƠNG LAI CHO NỀN KINH TẾ DỰA VÀO TRI THỨC CỦA THÁI LAN.

Một là, các chỉ số xếp hạng khoa học của Việt Nam thấp, phản ánh chất lượng ĐMST của Việt Nam chưa cao. Để đánh giá một quốc gia có chất lượng đổi mới tốt nhất, có ba chỉ số được nêu ra, bao gồm: 1) Chỉ số xếp hạng các trường đại học trong nước so với quốc tế; 2) Chỉ số bằng sáng chế nộp tại các cơ quan chuyên môn; 3) Số lượng trích dẫn của các công trình nghiên cứu quốc tế. Đánh giá các chỉ số về số lượng trích dẫn của các công trình được công bố quốc tế, Việt Nam chưa có tên trong danh sách các nhóm dẫn đầu. Theo Chỉ số ĐMST toàn cầu GII (Global Innovation Index) năm 2020, số lượng trích dẫn của các công trình nghiên cứu quốc tế ở Việt Nam thấp hơn nhiều so với Thái Lan và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Mặc dù là quốc gia xuất khẩu công nghệ cao, nhưng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao của Việt Nam phụ thuộc vào một số nhà máy của các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới, như Samsung (Hàn Quốc), cốt lõi công nghệ không phải do Việt Nam sáng tạo, vì thế tính gốc của ĐMST chưa chủ động, chưa bảo đảm tính lâu dài. Chỉ số ĐMST của Việt Nam không chỉ thấp về công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy so với các nước trên thế giới, mà còn yếu ở khía cạnh xây dựng thương hiệu. Việt Nam cần tập trung nguồn nhân lực cho nghiên cứu và phát triển để tạo ra nền tảng cốt lõi và độc lập về ĐMST, đặt ưu tiên xây dựng thương hiệu, các cụm công nghiệp công nghệ cao lên hàng đầu.

Hai là, ĐMST ở Việt Nam chưa thực sự bền vững. Năm 2021, chỉ số ĐMST của Việt Nam đạt cao ở mảng thị trường, đa dạng hóa nguồn nhân lực (những yếu tố linh hoạt

NHÌN CHUNG, THÁI LAN CHƯA ĐẠT MỨC KỲ VỌNG Ở CHỈ SỐ TIÊU CHUẨN VỀ ĐMST TRÊN CẢ HAI KHÍA CẠNH: PHỔ BIẾN (ÁP DỤNG CÁC CÔNG NGHỆ HIỆN CÓ) VÀ KHÁM PHÁ (SỰ PHÁT MINH RA CÁC SẢN PHẨM, QUY TRÌNH VÀ CÔNG NGHỆ MỚI).

và biến động), nhưng lại thấp ở nhóm chỉ số thể chế, các phát minh, sáng chế (nhóm định hướng và quyết định hiệu quả của ĐMST). Mức độ ĐMST của các doanh nghiệp Việt Nam tương đối yếu do số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm tỷ lệ lớn 97%. Vốn ít, nhân lực không đủ nên không có tiềm lực để đổi mới công nghệ. ĐMST ở Việt Nam chưa thực sự bền vững. Kết quả phát triển của Việt Nam là nhờ có những điều kiện thuận lợi về nhân khẩu học và tái cơ cấu ngành. Những động lực này đang giảm dần với sự suy giảm tỷ lệ sinh, già hóa dân số.

Từ nghiên cứu chính sách ĐMST của Thái Lan, có thể rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam, đó là:

Thứ nhất, nâng cao năng lực ĐMST của các doanh nghiệp, trường đại học, các tổ chức nghiên cứu công và tăng khả năng tương tác của họ. Khoảng 80% doanh nghiệp Việt Nam không hợp tác với các trường đại học, tổ chức nghiên cứu để thực hiện các hoạt động ĐMST. Tập trung nghiên cứu các cơ chế, chính sách để tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp với các trường đại học, các viện nghiên cứu, các nhà tư vấn. Đồng thời, nhanh chóng phát triển các tổ chức trung gian thúc đẩy ĐMST của các doanh

nghiệp nói riêng và thị trường KH&CN nói chung. Phát triển mạnh các loại hình tổ chức trung gian của thị trường KH&CN, bao gồm: Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; Trung tâm, sàn giao dịch công nghệ, chợ công nghệ - thiết bị; Tổ chức dịch vụ đánh giá, giám định, tư vấn chuyển giao công nghệ; Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ; Các tổ chức dịch vụ KH&CN khác liên quan.

Các công ty, trường đại học, các tổ chức nghiên cứu công (PRI – Public Research Institution) phải được trang bị năng lực công nghệ mạnh vì họ là nguồn chính tạo ra ĐMST, và họ cũng cần phải tương tác chặt chẽ với nhau để tạo ra hiệu ứng tổng hợp.

Thứ hai, vai trò quan trọng của Chính phủ trong quá trình hoạch định các chính sách ĐMST. Chính phủ đóng vai trò là nhà cung cấp và điều tiết để tăng năng lực ĐMST quốc gia. Tuy nhiên, sau khi năng lực ĐMST, năng lực nội địa hóa các công nghệ tiên tiến của khu vực tư nhân, doanh nghiệp trở nên mạnh, Chính phủ nên đóng vai trò là người điều phối để thúc đẩy môi trường nơi khu vực tư nhân có thể

tự mình tạo ra ĐMST. Bên cạnh đó, Chính phủ cần có năng lực để nắm bắt và hiện thực hóa cơ hội khi cánh cửa cơ hội mở ra, thiết lập chiến lược tập trung và lựa chọn, chiến lược đường vòng dựa trên việc xác định chính xác các nguồn lực và năng lực quốc gia. Để tăng tốc bứt phá trong giai đoạn công nghiệp hóa và bắt kịp, Chính phủ Việt Nam cần tăng cường hơn nữa vai trò là người tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước tăng chi tiêu cho R&D. Đầu tư cho R&D của doanh nghiệp Việt Nam hiện chỉ chiếm 64% tổng đầu tư cho R&D quốc gia, dù đã tăng nhiều so với giai đoạn trước, nhưng để doanh nghiệp thực sự là trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia thì tỷ lệ phải đạt 75-80%.

Thứ ba, tạo lập thể chế tốt hơn cùng với các chính sách ĐMST xuất sắc và phối hợp chính sách của nhiều bộ, cơ quan công quyền một cách thống nhất. ĐMST của Việt Nam đang trong giai đoạn hình thành, do đó khung khổ thể chế chưa đầy đủ, chưa theo kịp các nước phát triển. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần vận hành các công cụ, chính sách có hiệu quả hơn, “trúng đích” hơn, đồng thời “phân vai” rõ ràng, đẩy mạnh phối hợp hơn nữa giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Chính sách ĐMST cần có khả năng thực thi hiệu quả và phản ánh các xu hướng chính sách mới nhất. Tất cả đều được đưa vào thể chế. Vì vậy, cần tạo lập một thể chế tốt hơn thông qua việc thành lập cơ quan quản lý điều phối mạnh, tăng cường thực thi pháp luật. Thành lập bộ chuyên trách về ĐMST để thu thập và trao đổi tất cả thông tin liên quan đến chính sách ĐMST giữa các cơ quan, các bộ và chính quyền địa phương.

CẦN TẠO LẬP MỘT THỂ CHẾ TỐT HƠN THÔNG QUA VIỆC THÀNH LẬP CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐIỀU PHỐI MẠNH, TĂNG CƯỜNG THỰC THI PHÁP LUẬT. THÀNH LẬP BỘ CHUYÊN TRÁCH VỀ ĐMST ĐỂ THU THẬP VÀ TRAO ĐỔI TẤT CẢ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐMST GIỮA CÁC CƠ QUAN, CÁC BỘ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG.

Thứ tư, tăng cường đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho đổi mới sáng tạo.

Phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ và ĐMST là kinh nghiệm quan trọng vì con người luôn là yếu tố trung tâm của quá trình ĐMST. Con người sáng tạo ra các ý tưởng, đồng thời biến ý tưởng đó thành hiện thực, tức là tạo ra các công nghệ, sản phẩm và dịch vụ mới. Hiện trạng nguồn nhân lực khoa học công nghệ và ĐMST ở Việt Nam còn khá thấp cả về số lượng và chất lượng. Do đó, cần đào tạo và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao trong các doanh nghiệp và tại các viện nghiên cứu, trường đại học. Để doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực tư nhân, trở thành trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia thì cần có nhiều chính sách khuyến khích hơn nữa khu vực tư nhân trong đào tạo nhân lực, trong đó cần tập trung phối hợp đào tạo nhân lực nghiên cứu phát triển giữa doanh nghiệp - viện - trường. Có chính sách sử dụng hợp lý chế độ lương, chính sách đãi ngộ. Đồng thời, có chính sách thu hút nhân tài khoa học công nghệ và ĐMST, chế độ tuyển dụng, đề bạt phải chuyển từ tiêu chuẩn “thâm niên” sang “vị trí công việc”, “kết quả”.

Tóm lại, để thúc đẩy ĐMST mạnh mẽ hơn nữa đòi hỏi một hệ thống thể chế mới để phát triển, sử dụng công nghệ mới. ĐMST cần được thực hiện với tổng thể các biện pháp kinh tế, xã hội để áp dụng, hợp tác và nâng cao chất lượng, lợi ích của các sản phẩm ĐMST. Việt Nam cần xem xét khuôn khổ pháp lý, các chính sách ĐMST với tinh nhất quán theo kế hoạch, cung cấp hướng dẫn tổng thể để thực hiện các chính sách khoa học, công nghệ

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ LÀ CHÌA KHÓA GIÚP VIỆT NAM VƯỢT QUA BẦY THU NHẬP TRUNG BÌNH VÀ SỚM THOÁT KHỎI SỰ LỆ THUỘC VÀO CÔNG NGHỆ THẤP VÀ NGUỒN TÀI NGUYÊN ĐANG CẠN KIẾT DẦN.

và ĐMST STI (Science, Technology and Innovation) và nâng cao hiệu lực thực thi các chính sách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (2021), *Chính sách ĐMST của một số nước châu Á và hàm ý cho Việt Nam; t11-2021.pdf (vista.gov.vn)*
- Charoenpornpattana (2022), *Chính sách nghiên cứu và ĐMST quốc gia của Thái Lan và bài học gợi suy cho Việt Nam (vjst.vn)*
- Xavier Cirera (2021), *ĐMST ở các quốc gia đang phát triển khu vực Đông Á – Yêu cầu cấp thiết (worldbank.org), Báo cáo của Ngân hàng thế giới (WB)*
- J. Pitman (2021), *“The Lessons from the Pandemic: The long-term strategic directions of the APEC Policy Partnership on Science, Technology and Innovation”, The Business Research and Innovation Initiative 2019 Challenge-based Innovation Forum.*
- Santi Charoenpornpattana (2021), *Thailand’s National Research and Innovation System Reform: The Priority towards Sustainability; Quan điểm của Cải cách hệ thống nghiên cứu và ĐMST quốc gia của Thái Lan: ưu tiên đến sự bền vững (vjol.info.vn)*
- National Agency for Science and Technology Information (NASATI), 2021, *Chính sách mới trong khoa học, công nghệ và ĐMST ở Thái Lan - Cổng thông tin Khoa học và Công nghệ (vista.gov.vn)*
- Nguyễn Minh Ngọc (2012), *Cẩm nang OECD về nghiên cứu, phát triển và ĐMST | Tạp chí Thông tin và Tư liệu (vjol.info.vn)*